

Bản án số: 807/2024/DS-PT  
Ngày: 23 - 9 - 2024  
V/v Tranh chấp di sản thừa kế  
theo pháp luật và tranh chấp  
hợp đồng dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Hồ Thị Thành Thúy

**Các Thẩm phán:** Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Phan Nhựt Bình

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 363/2024/TLPT-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế theo pháp luật và tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2373/2024/QĐPT-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Cụ Hoàng Thị N (sinh ngày 12/6/1930; chết ngày 22/6/2014).

**Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ N:** Ông Hoàng Đình K - còn gọi là Tày (sinh ngày 02-4-1964; chết ngày 20-01-2017).

**Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông K:**

Bà Chí Nhật M, sinh năm 1964 (là vợ ông K) (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Anh Hoàng Gia L, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Anh Hoàng Gia Đ, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Anh Hoàng Gia K1, sinh năm 2005 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số C xóm A, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

**Đại diện theo ủy quyền của anh L, anh Đ và người giám hộ của anh K1:** Bà Chí Nhật M, sinh năm: 1964 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: Số C xóm A, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Luật sư Nguyễn Thị Đ1 là Luật sư của Văn phòng L5 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

**Bị đơn:** Bà Mã Thị H, sinh năm: 1960 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: Số A xóm C, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

**Đại diện theo ủy quyền của bà H:** Ông Lê Cao T, sinh năm: 1972 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: Số E (số M) B, phường B, thành phố Đ.

(Văn bản uỷ quyền ngày 23/8/2013).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Chị Hoàng Hạ Q, sinh năm: 1990 (có mặt).

2/ Chị Hoàng Hạ K2, sinh năm: 1992 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số A xóm C, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

**Đại diện theo ủy quyền của bà K2:** Ông Lê Cao T, sinh năm: 1972 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: Số E (số mới 272) B, Phường B, Thành phố Đ

3/ Bà Hoàng Thị Đ2, sinh năm: 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C N, phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

**Đại diện theo ủy quyền của bà Đ2:** Bà Chí Nhật M, sinh năm: 1964 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: Số C xóm A, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

4/ Ông Hoàng Minh S, sinh năm: 1950 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm C, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

**Đại diện theo ủy quyền của ông S:** Bà Chí Nhật M, sinh năm: 1964 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: Số C xóm A, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

5/ Ông Hoàng Hiện L1 (còn gọi là Sáng), sinh năm: 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C Cartier St. B, Australia.

**Đại diện theo ủy quyền của ông L1:** Bà Chí Nhật M, sinh năm: 1964 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: Số C xóm A, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

6/ Ông Hoàng A S1, sinh năm: 1944 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A Mixty AH A, W, USA.

**Đại diện theo ủy quyền của ông L1:** Bà Chí Nhật M, sinh năm: 1964 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: Số C xóm A, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

7/ Ông Hoàng Văn C, (1942 – 1972).

**Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông C gồm:**

- Anh Hoàng Văn L2, sin năm: 1961 (vắng mặt).

- Chị Hoàng Thị V, sinh năm: 1962 (vắng mặt).

- Chị Hoàng Thị C1, sinh năm: 1964 (vắng mặt).

- Chị Hoàng Thị X, sinh năm: 1967 (vắng mặt).

- Anh Hoàng Văn L3, sinh năm: 1968 (vắng mặt).

- Chị Hoàng Thị N1, sinh năm: 1969 (vắng mặt).

- Chị Hoàng Thị X1, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ninh.

8/ Ông Hoàng Văn P, sinh năm: 1947 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm C, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

**Đại diện theo ủy quyền của ông P:** Bà Chí Nhật M, sinh năm: 1964 (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

Địa chỉ: Số C xóm A, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

9/ Bà Tô Thị B, sinh năm: 1930 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A Southwest wright plae T dale, OR 97060. USA.

**Đại diện theo ủy quyền của bà B:** Ông Đỗ Vi V1, sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số I Q, phường I, thành phố Đ.

10/ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1952 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A xóm C, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

11/ Ông Hoàng Xương V2, sinh năm: 1958 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A xóm C, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

12/ Ông Phan Văn M1, sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

13/ Vợ chồng ông Phùng Văn M2, sinh năm: 1966 và bà Mã Thị L4, sinh năm: 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, phố A, ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

14/ Ông Dương Thanh T1 (1956 – 2012).

**Kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T1 gồm:**

- Bà Ngô Thị H2, sinh năm: 1957 (vắng mặt).

- Anh Dương Quốc D, sinh năm: 1978 (vắng mặt).

- Anh Dương Quốc T2, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

- Anh Dương Quốc K3, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: N, H, khu phố C, phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

- Chị Dương Thị Lệ T3, sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Trú tại: Hoa Kỳ.

15/ Bà Bùi Thị Lệ T4, sinh năm: 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

16/ Ngân hàng N4 - Chi nhánh huyện Đ (vắng mặt).

17/ Ủy ban nhân dân huyện Đ.

**Đại diện theo ủy quyền:** Ông Lưu Đình C2 – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ (xin xét xử vắng mặt).

- **Người kháng cáo:** Bị đơn bà Mã Thị H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Q1 và chị Hoàng Thị K4.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là bà Chí Nhật M, anh Hoàng Gia L, anh Hoàng Gia Đ, anh Hoàng Gia K1 do bà Chí Nhật M làm đại diện theo ủy quyền và giám hộ trình bày:*

Cha chồng tôi là cụ Hoàng Văn N2 có đời vợ trước là cụ Hà Thị S2. Tuy nhiên khi đang sống với cụ S2 thì cha chồng tôi lấy mẹ chồng tôi là cụ Hoàng Thị N làm vợ hai.

Cha chồng tôi chết năm 1994, mẹ chồng tôi chết ngày 27/6/2014. Trước khi chết cha mẹ chồng tôi không lập di chúc.

Vào năm 1962 mẹ chồng tôi là cụ Hoàng Thị N đã khai phá diện tích đất 4.184m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ. Mẹ chồng tôi đã trực tiếp sử dụng diện tích đất này và đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước. Năm

1986 mẹ chồng tôi cưới bà Mã Thị H về làm vợ của anh trai của chồng tôi là Hoàng A M3. Lúc này vợ chồng ông M3, bà H sống chung với mẹ chồng tôi trên thửa đất này. Năm 1992 ông M3 tự ý đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất trên. Trong Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất ngày 30/7/1992 thì nguồn gốc được ghi như sau: “*Có trước 1975 – Cha mẹ cho năm 1991*”.

Ngày 09/9/1994, Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B.550625 cho ông Hoàng A M3 (chồng bà H) diện tích 4.184m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ.

Ngày 20/4/2011, ông Hoàng A M3 chết không để lại di chúc.

Ngày 17/8/2011, mẹ chồng tôi là cụ Hoàng Thị N đã có đơn khởi kiện bà Mã Thị H ra Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương để tranh chấp về việc đòi lại diện tích đất nói trên (trên đất có một căn nhà xây cấp 4) và yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Hoàng A M3 chết để lại theo quy định của pháp luật về thừa kế. Do không biết chữ nên trong đơn khởi kiện mẹ chồng tôi không biết ký tên mà chỉ lấn tay (bằng ngón trỏ phải). Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương đã không yêu cầu mẹ chồng tôi phải có hai người làm chứng vào đơn khởi kiện nên mẹ chồng tôi cũng không biết việc này. Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương đã chấp nhận đơn khởi kiện này để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Ngày 04/9/2013, Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương đã đưa vụ kiện ra xét xử theo trình tự sơ thẩm và đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của mẹ chồng tôi.

Sau khi có bản án sơ thẩm thì phía bị đơn bà Mã Thị H đã có đơn kháng cáo. Ngày 25/4/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã đưa vụ kiện này ra xét xử theo trình tự phúc thẩm và đã tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương.

Sau khi hồ sơ được Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng chuyển về cho Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương giải quyết lại thì đến ngày 27/6/2014 mẹ chồng tôi đã chết do bị bệnh. Ngày 16/7/2014 chồng tôi là ông Hoàng Đình K làm đơn khởi kiện gửi cho Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương xin được tiếp tục tham gia vụ kiện. Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương đã tiếp nhận đơn của chồng tôi và đến tháng 10/2014 thì chuyển hồ sơ lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xét xử theo thủ tục sơ thẩm (thẩm quyền của cấp tỉnh) vì có một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ kiện này đang định cư ở nước ngoài.

Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của mẹ chồng tôi là cụ Hoàng Thị N gồm có:

Mẹ chồng tôi là cụ Hoàng Thị N chung sống với cha chồng tôi là cụ Hoàng Văn N2. Lúc này cha chồng tôi đang sống hợp pháp với vợ lớn là cụ Hà Thị S2 (còn có tên khác là S3). Hiện nay cụ Hoàng Văn N2 và cụ Hà Thị S2 đều đã chết.

Con chung giữa cụ Hoàng Thị N với cụ Hoàng Văn N2 gồm có:

1-/ Hoàng Minh S, sinh năm 1950. Hiện cư trú tại: Xóm C, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2-/ Hoàng Hiện L1, sinh năm 1955. Hiện cư trú tại: 30 Cartier ST B, NSW, Australia.

3-/ Hoàng A M3, chết ngày 20/4/2011.

4-/ Hoàng Đình K, chết ngày 20/01/2017.

5-/ Hoàng Thị Đ2, sinh năm 1967. Hiện cư trú tại: Số C đường N, phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

Ở thời điểm này do mẹ chồng tôi là vợ nhỏ của cụ Hoàng Văn N2 nên chính quyền chế độ cũ không cấp Giấy hôn thú cho mẹ chồng tôi và cụ N2. Vì thế 05 người con (trong đó có chồng tôi) do mẹ chồng tôi sinh ra đều được cụ N2 làm thủ tục khai sinh là con của cụ Hoàng Văn N2 với cụ Hà Thị S2.

Tại giai đoạn sơ thẩm và phúc thẩm lần thứ nhất thì người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Mã Thị H là ông Lê Cao T cho rằng căn cứ vào giấy khai sinh thì ông Hoàng A M3 (là chồng của bà H) không phải là con của cụ Hoàng Thị N. Do đó, trước khi mẹ chồng tôi chết, chồng tôi đã làm đơn yêu cầu Phòng K6 Công an tỉnh L lấy các mẫu máu, mẫu tóc của mẹ chồng tôi với chồng tôi (Hoàng Đình K) để gửi ra Hà Nội giám định ADN nhằm chứng minh chồng tôi là con do mẹ chồng tôi là cụ Hoàng Thị N sinh ra.

Kết quả xét nghiệm ADN của Trung tâm Phân tích ADN và Công nghệ di truyền của Liên Hiệp các Hội khoa học và Kỹ Thuật Việt Nam tại Hà Nội ngày 07/7/2014 đã kết luận ông Hoàng Đình K là con của cụ Hoàng Thị N.

Toàn bộ di sản gồm diện tích đất 4.184m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ trên đó có một căn nhà xây cấp 4 hiện nay do bà Mã Thị H đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Việc ông Hoàng A M3 qua mặt mẹ chồng tôi là cụ Hoàng Thị N để lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1992 nhưng qua kết quả kiểm tra của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ đã xác định cụ Hoàng Thị N không có viết giấy tờ tặng cho ông Hoàng A M3 diện tích đất nói trên. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng A M3 là không đúng. Ông Hoàng A M3 đã chết năm 2011, hiện nay bà Mã Thị H là người thừa kế và trực tiếp quản lý di sản nói trên.

Trong khi Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đang thụ lý hồ sơ vụ kiện này để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm thì đến ngày 20/01/2017 chồng tôi bị bệnh đã qua đời. Tôi là vợ của ông Hoàng Đình K xin được kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng trong vụ kiện tranh chấp này theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng tôi có 03 con chung gồm: Cháu Hoàng Gia L, sinh năm 1991; cháu Hoàng Gia Đ, sinh năm 1993 và cháu Hoàng Gia K1, sinh năm 2005. Cháu L và cháu Đ đã ủy quyền cho tôi tham gia tố tụng, riêng cháu K1 mới 13 tuổi nên tôi sẽ đại diện cho cháu với tư cách là người giám hộ.

Yêu cầu của tôi và các con tôi là đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xác định diện tích đất 4.184m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ là di sản thừa kế do cụ Hoàng Thị N chết để lại để chia theo quy định của pháp luật về thừa kế. Riêng căn nhà cấp 4 trên diện tích đất này tôi đồng ý để cho bà Mã Thị H và hai con là chị Hoàng Hạ Q và chị Hoàng Hạ K2 tiếp tục sử dụng, không tranh chấp.

Ngoài ra, tôi không trình bày gì thêm.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Mã Thị H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Hạ K2 là ông Lê Cao T trình bày:*

Tôi không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn với lý do bên nguyên đơn khởi kiện nhưng không có căn cứ.

Bà Mã Thị H có quan hệ như thế nào với cụ Hoàng Thị N thì tôi không biết.

Diện tích đất 4.184m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ là do bà Tô Thị B tặng cho bà H và ông M3. Hiện ông M3 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Sau khi bà B tặng cho thì vợ chồng bà H tiến hành xây dựng căn nhà cấp 4 như hiện nay và cũng tiến hành trồng các loại cây trồng trên đất.

Bà B có quan hệ với bà H, ông M3 như thế nào thì tôi không biết.

Ngoài ra, tôi không trình bày gì thêm.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Hạ Q trình bày:*

Tôi thống nhất với lời trình bày của ông Lê Cao T.

Ngoài ra, tôi không trình bày gì thêm.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Đ2, ông Hoàng Minh S trình bày:*

Cha chúng tôi là cụ Hoàng Văn N2, chết năm 1994. Mẹ của ông bà là cụ Hoàng Thị N, chết năm 2014.

Cha mẹ chúng tôi chung sống với nhau sinh được 05 người con gồm:

Hoàng Minh S; Hoàng Hiện L1; Hoàng Thị Đ2; Hoàng A M3 chết năm 2011 có vợ là Mã Thị H và 02 con chung là Hoàng Hạ K2, Hoàng Hạ Q; Hoàng Đình K chết ngày 20/01/2017 có vợ là Chí Nhật M và 03 con chung là Hoàng Gia L, Hoàng Gia Đ và Hoàng Gia K1.

Diện tích đất tranh chấp 4.184m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ mà hiện nay ông Hoàng Đình K có đơn khởi kiện tranh chấp với bà Mã Thị H thì tôi xác định diện tích đất này do mẹ chúng tôi là cụ Hoàng Thị N khai phá và sử dụng trong suốt mấy chục năm qua chứ không phải là tài sản do vợ chồng ông Hoàng A M3, bà Mã Thị H tạo lập nên.

Trước đây khi còn sống thì mẹ chúng tôi đã làm đơn khởi kiện bà Mã Thị H nhưng do tuổi già, sức yếu mẹ chúng tôi đã qua đời trong khi vụ kiện chưa kết thúc. Nay ông Hoàng Đình K tiếp tục khởi kiện bà Mã Thị H để đòi lại diện tích đất nói trên. Trong khi Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đang thụ lý hồ sơ vụ kiện này để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm thì ông Hoàng Đình K đã chết vì bị bệnh ngày 20/01/2017. Vợ của ông Hoàng Đình K là bà Chí Nhật M và các con gồm Hoàng Gia L, Hoàng Gia Đ và Hoàng Gia K1 xin được kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng trong vụ kiện tranh chấp này theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của chúng tôi đối với vụ kiện này như sau:

Nếu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận thì phần đất 4.184m<sup>2</sup> mỗi chúng tôi xin được nhận tỷ lệ 1/5 theo đúng quy định pháp luật về thừa kế.

*- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Hiện L1 (Sáng) trình bày:*

Về quan hệ huyết thống: Tôi thống nhất như lời trình bày của bà Hoàng Thị Đ2, ông Hoàng Minh S.

Thông qua gia đình thì tôi được biết bà H cho rằng khi ông M còn sống thì ông M và bà H có xây căn nhà cấp 4 trên diện tích đất 4.184m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ thì tôi có gửi một số tiền về mà quy ra tiền Việt Nam là 20.000.000 đồng. Sự thật là vào năm 1995 khi mẹ tôi là cụ Hoàng Thị N xây căn nhà cấp 4 trên thì tôi có gửi về số USD quy ra tiền Việt Nam là 20.000.000 đồng để phụ vào cho mẹ tôi làm nhà chứ không phải tôi gửi về cho vợ chồng ông M, bà H.

Diện tích đất tranh chấp 4.184m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ thì tôi xác định diện tích đất này do mẹ tôi là cụ Hoàng Thị N khai phá và sử dụng trong suốt mấy chục năm qua chứ không phải là tài sản do vợ chồng ông Hoàng A M3, bà Mã Thị H tạo lập nên.

Trước đây khi còn sống thì mẹ tôi đã làm đơn khởi kiện bà Mã Thị H nhưng do tuổi già, sức yếu mẹ tôi đã qua đời trong khi vụ kiện chưa kết thúc. Nay em trai tôi là Hoàng Đình K tiếp tục khởi kiện bà Mã Thị H để đòi lại diện tích đất nói trên.

Nếu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận thì diện tích đất tranh chấp 4.184m<sup>2</sup> tôi xin được nhận tỷ lệ 1/5 theo đúng quy định pháp luật về thừa kế của Việt Nam.



*- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng A S1 trình bày:*

Cha tôi là cụ Hoàng Văn N2, chết năm 1994. Mẹ tôi là cụ Hà Thị S2 (S7) chết năm 2011.

Cha mẹ tôi chung sống với nhau sinh được 03 người con gồm: Hoàng Văn C, Hoàng Văn P và tôi là Hoàng A S1.

Cha tôi có người vợ thứ hai là cụ Hoàng Thị N (đã chết năm 2014).

Con chung của cha tôi với cụ N gồm có:

- Hoàng Minh S, Hoàng Hiện L1, Hoàng A M3, Hoàng Đình K, Hoàng Thị Đ2.

Diện tích đất tranh chấp 4.184m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ là tài sản do mẹ kế của tôi là cụ Hoàng Thị N tạo lập nên chứ không phải tài sản chung giữa cha tôi (cụ Hoàng Văn N2) với cụ Hoàng Thị N.

Do đó, tôi không có bất cứ quyền lợi gì đối với diện tích đất nói trên nên tôi không tranh chấp. Ý kiến của tôi là đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Mã Thị H phải trả lại diện tích đất này cho các con của cụ Hoàng Thị N theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

*- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Văn C là anh Hoàng Văn L2, chị Hoàng Thị V, chị Hoàng Thị C3, chị Hoàng Thị X, anh Hoàng Văn L3, chị Hoàng Thị N1, chị Hoàng Thị X1 trình bày:*

Tất cả anh em chúng tôi không liên quan gì đến diện tích đất tranh chấp. Chúng tôi không đòi hỏi bất cứ quyền lợi gì đối với tài sản tranh chấp. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn P trình bày:*

Tôi là con của cụ Hoàng Văn N2, cụ Hoàng Thị S4. Cha Mẹ tôi chung sống với nhau sinh được 03 người con gồm: Hoàng Văn C, Hoàng A S1, và tôi là Hoàng Văn P. Cụ Hoàng Thị N là mẹ kế của tôi, từ trước đến nay tôi không chung sống với cụ N, nay nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N thì tôi không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu chia cho tôi.

*- Người đại diện theo ủy quyền của người quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị B là ông Đỗ Vi V1 trình bày:*

Bà B là chủ sở hữu một phần diện tích đất tại thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ. Nguồn gốc mảnh đất trên là do hộ bà B khai phá từ năm 1960. Bà là người quản lý, sử dụng mảnh đất trên từ năm 1960 đến năm 1988, trong thời gian quản lý nhà đất bà đã kê khai, nộp thuế đầy đủ theo quy định. Tháng 4/1988 bà sang Mỹ định cư, trước khi đi Mỹ bà nhường lại quyền quản lý, sử dụng, trông coi toàn bộ diện tích đất trên cho bà Mã Thị H và ông Hoàng

A M3, nguyện vọng của bà là sau này trở về Việt Nam bà sẽ được giao lại một phần đất trên để canh tác, dưỡng già.

- *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị H1, ông Hoàng Xương V2, ông Phùng Văn M2 và bà Mã Thị L4, ông Phan Văn M1, ông Dương Thanh T1 trình bày:*

Khi ông M3 bị bệnh thì ông M3, bà H có vay của ông Hoàng Xương V2 số tiền 9.000.000 đồng, vay của ông Phan Văn M1 số tiền 14.000.000 đồng, vay của ông Dương Thanh T1 05 lượng vàng 24K, vay của bà Nguyễn Thị H1 số tiền 21.000.000 đồng, vay của ông Phùng Văn M2, bà Mã Thị L4 09 cây vàng 24K. Do là chỗ quen biết với ông M3 nên khi cho ông M3, bà H vay đều không lập giấy tờ. Nay các ông bà yêu cầu những người thừa kế của ông M3 phải trả cho các ông, bà số tiền, vàng ông M3, bà H đã vay để chữa bệnh. Ngoài ra, các ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Ngày 10/3/2016, bà Nguyễn Thị H1 có đơn rút yêu cầu độc lập.

Ngày 10/3/2016, ông Hoàng Xương V2 có đơn rút yêu cầu độc lập.

Ngày 17/3/2016, ông Phùng Văn M2, bà Mã Thị L4 có đơn rút yêu cầu độc lập.

Ngày 15/3/2016, ông Phan Văn M1 có đơn rút yêu cầu độc lập.

Ngày 14/12/2012, ông Dương Thanh T1 chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T1 gồm: Bà Ngô Thị H2, anh Dương Quốc D, anh Dương Quốc T2, anh Dương Quốc K3, chị Dương Thị Lệ T3 đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do và Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai nhưng vẫn không xác định được địa chỉ cụ thể của chị Dương Thị Lệ T3, chỉ biết chị T3 hiện đang trú tại Hoa Kỳ.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Lệ T4 trình bày:*

Trước đây ông M3, bà H có nợ bà số tiền 5.000.000 đồng nhưng nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này các đồng thừa kế của ông M3 không trả lại cho bà số tiền này thì bà sẽ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác. Bà cũng không tranh chấp gì với ai trong vụ án này và yêu cầu không đưa bà vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

- *Ngân hàng N4 – Chi nhánh huyện Đ trình bày:*

Ông M3 có thể chấp cho Ngân hàng tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay số tiền là 50.000.000 đồng với thời hạn là 36 tháng sau đó ông M3, bà H đã trả hết số nợ trên cho Ngân hàng, Ngân hàng đã làm thủ tục giải chấp. Vì vậy, Ngân hàng N4 – Chi nhánh huyện Đ không còn quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gì trong vụ án trên.

- Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Đ là ông Lưu Đình C2 trình bày:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B. 550625 mà Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp cho ông Hoàng A M3 với diện tích là 7.400m<sup>2</sup> gồm thửa đất số 110 và thửa đất số 89 tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ. Nay đề nghị chỉ thu hồi thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ có diện tích là 4.184m<sup>2</sup>. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 110 tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ là không đúng đối tượng sử dụng đất vì không có tài liệu nào thể hiện cụ N tặng cho ông M3 (cụ N đã xác nhận tại phiên tòa sơ thẩm ngày 04/9/2013).

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã quyết định:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn cụ Hoàng Thị N là ông Hoàng Đình K (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Đình K gồm: Bà Chí Nhật M, anh Hoàng Gia L, anh Hoàng Gia Đ, anh Hoàng Gia K5) về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế*” đối với bị đơn bà Mã Thị H; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Hạ Q, chị Hoàng Hạ K2, bà Hoàng Thị Đ2, ông Hoàng Minh S, ông Hoàng Hiện L1 (Sáng), ông Hoàng A S1, ông Hoàng Văn C (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Văn C gồm: Anh Hoàng Văn L2, chị Hoàng Thị V, chị Hoàng Thị C1, chị Hoàng Thị X, anh Hoàng Văn L3, chị Hoàng Thị N1, chị Hoàng Thị X1), ông Hoàng Văn P, bà Tô Thị B, bà Nguyễn Thị H1, ông Hoàng Xương V2, ông Phan Văn M1, vợ chồng ông Phùng Văn M2, bà Mã Thị L4, ông Dương Thanh T1 (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Dương Thanh T1 gồm: Bà Ngô Thị H2, anh Dương Quốc D, anh Dương Quốc T2, anh Dương Quốc K3, chị Dương Thị Lệ T3), bà Bùi Thị Lệ T4, Ngân hàng N4 – Chi nhánh huyện Đ, Ủy ban nhân dân huyện Đ.

- Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế là diện tích đất 3000m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 13 và diện tích đất 15.734m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 34, 35 tờ bản đồ số 31 đều tại xã K, huyện Đ của cụ Hoàng Thị N và bà Mã Thị H.

- Đình chỉ yêu cầu “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” của ông Hoàng Xương V2, ông Phan Văn M1, bà Nguyễn Thị H1, vợ chồng ông Phùng Văn M2 và bà Mã Thị L4 đối với những người thừa kế của ông Hoàng A M3.

- Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 550625 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Hoàng A M3 ngày 09/9/1994 đối với diện tích đất 4.184m<sup>2</sup> (theo giấy chứng nhận QSDĐ) thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ.

Xác định di sản thừa kế của cụ Hoàng Thị N là diện tích 3.946,7m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế), trong đó có đất ONT và đất HNK (theo giấy chứng nhận QSDĐ)

thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ theo kết quả đo vẽ ngày 03/3/2022 của Công Ty TNHH A.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Hoàng Thị N là 05 người gồm: Ông Hoàng Minh S, ông Hoàng Hiện L1, ông Hoàng A M3, ông Hoàng Đình K, bà Hoàng Thị Đ2.

Xác định hàng thừa kế thế vị của cụ Hoàng Thị N là 02 người gồm: Chi Hoàng Hạ Q, chị Hoàng Hạ K2.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Đình K là 04 người gồm: bà Chí Nhật M, anh Hoàng Gia L, anh Hoàng Gia Đ, anh Hoàng Gia K1.

- Phân chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Hoàng Thị N, cụ thể như sau:

+ Giao quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất tại vị trí số **1** và số **5** thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ có tổng diện tích là  $(363,5m^2 + 715,7m^2) = 1.079.2m^2$  (trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ONT) có tổng trị giá là 2.780.955.000 đồng cho bà Chí N3 Mùi, anh Hoàng Gia L, anh Hoàng Gia Đ, anh Hoàng Gia K1 quản lý sử dụng.

+ Giao thửa đất có vị trí số **2** có diện tích là 736.5m<sup>2</sup> (trong đó có 300m<sup>2</sup> đất ONT) trên đất có căn nhà xây cấp 4, nhà tạm và cây trồng trên đất có giá trị là 3.885.950.000đ cho bà Mã Thị H, chị Hoàng Hạ Q, chị Hoàng Hạ K2 tiếp tục quản lý sử dụng.

+ Giao quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất tại vị trí số **3** thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ có diện tích là 709.3m<sup>2</sup> có giá trị là 1.986.040.000 đồng cho ông H3 Hiện Lộc sử dụng, tuy nhiên ông L1 hiện đang ở nước ngoài và không có yêu cầu chia thừa kế nên tạm giao phần của ông L1 cho bà M quản lý là phù hợp. Sau này ông L1 có tranh chấp thì giải quyết bằng một vụ án khác.

+ Giao quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất tại vị trí số **4** thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13, xã K, huyện Đ có diện tích là 711,7m<sup>2</sup> có giá trị là 1.850.420.000 đồng cho bà Hoàng Thị Đ2 quản lý sử dụng.

+ Giao quyền sử dụng đất thuộc vị trí số **6** có diện tích là 710 m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13, xã K, huyện Đ có giá trị là 1.349.000.000 đồng cho ông Hoàng Minh S quản lý sử dụng.

*(Tất cả có họa đồ đo vẽ hiện trạng lô đất này 03/3/2023 của Công ty A kèm theo).*

Quy định cho các đương sự được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ thanh toán:

Buộc bà Mã Thị H, chị Hoàng Q, chị Hoàng Hạ K2 có nghĩa vụ thanh toán lại cho các ông bà: bà Hoàng Thị Đ2 520.053.000đ, ông Hoàng Minh S 611.031.000đ, ông Hoàng Hiệן L1 384.433.000 đồng.

Buộc bà Chí Nhật M, anh Hoàng Gia L, anh Hoàng Gia Đ, anh Hoàng Gia K1 có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Hoàng Minh S số tiền 410.482.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/9/2023, bà Hoàng Thị Q1 (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 09/9/2023, bà Mã Thị H (bị đơn) và Hoàng Thị K4 (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

**Ông Lê Cao T trình bày:** bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án với các căn cứ sau: Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H trả phần đất thuộc thửa 110, tờ bản đồ số 13 xã K cho bà Hoàng Thị N trong khi bà N không chứng minh được phần đất trên là của bà. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào biên lai nộp thuế của bà N trong khi biên lai thuế này không thể hiện là nộp thuế cho thửa đất nào, ở đâu. Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của bà Tô Thị B cho lại vợ chồng bà H, hiện nay có thông tin bà B đã chết nhưng cấp sơ thẩm không đưa những người thừa kế của bà B vào tham gia tố tụng.

**Bà Chí Nhật M và Luật sư Nguyễn Thị Đ1 thống nhất trình bày:** đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:**

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan làm trong hạn luật định phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, một số đương sự vắng mặt hoặc có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn cho rằng thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ có nguồn gốc là do cụ Hoàng Thị N khai phá từ năm 1962, trong quá trình quản lý sử dụng thì đã trực tiếp thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước. Năm 1989, ông Hoàng A M3 (con cụ N) kết hôn với bà Mã Thị H và đã tự ý tiến hành đăng ký kê khai phần đất trên, đến ngày 09/9/1994 thì ông M3 được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên nhưng không được sự đồng ý của cụ N, hiện nay bà Mã Thị H và các con của bà H là chị Hoàng Hạ Q, chị Hoàng Hạ K2 đang quản lý, sử dụng thửa đất này nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả lại toàn bộ diện tích đất trên và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu chia di sản thừa kế do nguyên đơn cụ Hoàng Thị N chết để lại là thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng thửa đất trên có nguồn gốc là của bà Tô Thị B, hiện nay bà Tô Thị B đang định cư tại Hoa Kỳ, trước khi sang Hoa Kỳ định cư thì bà B đã tặng cho vợ chồng ông M3, bà H.

Xét thấy, bị đơn cho rằng thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ có nguồn gốc là do bà Tô Thị B tặng cho nhưng không có chứng cứ chứng minh và khai nhận này cũng không được nguyên đơn thừa nhận. Theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất của ông Hoàng A M3 (BL 81) kèm theo biên bản xác minh ngày 23/02/2012 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương thể hiện, thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ có nguồn gốc là “*có trước 1975 – cha mẹ cho năm 1991*” nhưng bị đơn lại không có chứng cứ chứng minh rằng nguyên đơn cụ Hoàng Thị N là mẹ của ông Hoàng A M3 tặng cho ông M3, bà H diện tích đất này, bên cạnh đó nguyên đơn cũng không thừa nhận nội dung này.

Hơn nữa, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Đ thừa nhận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ cho ông Hoàng A M3 căn cứ vào Quyết định số 201-QĐ/ĐKTK ngày 14/7/1989 và Thông tư số 302-TT-ĐKTK ngày 28/10/1989 của T6. Hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất của ông M3 thì nguồn gốc đất là của cha mẹ cho. Tuy nhiên, trong hồ sơ không có tài liệu nào thể

hiện việc tặng cho đất nên việc cấp đất cho ông M3 là không đúng và đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 110 tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ của ông M3.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm lần thứ nhất tại Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, bị đơn cho rằng thửa đất tranh chấp có nguồn gốc là do bị đơn tạo lập được, trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm thì bị đơn lại cho rằng nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của bà Tô Thị B đang định cư tại Hoa Kỳ, trước khi xuất cảnh sang Hoa Kỳ thì bà B đã tặng cho bị đơn thửa đất này nhưng bị đơn lại không có chứng cứ chứng minh và người đại diện theo ủy quyền của bà Tô Thị B là ông Đỗ Vi V1 cũng không có chứng cứ chứng minh rằng thửa đất tranh chấp số 110 tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ là của bà B và bà B tặng cho bị đơn.

Bị đơn cho rằng cụ Hoàng Thị N không phải là mẹ của ông Hoàng A M3, mẹ của ông M3 là cụ Hà Thị S2 nên cụ N không có quyền khởi kiện tranh chấp thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ mà ông M3 đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/9/1994.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cụ Hoàng Văn N2 có vợ thứ nhất là cụ Hà Thị S2 (còn có tên khác là S3), vợ thứ hai của cụ N2 là cụ Hoàng Thị N. Trong quá trình chung sống thì cụ N2 với cụ N có những người con chung gồm: Hoàng Minh S, Hoàng Hiện L1, Hoàng A M3, Hoàng Đình K, Hoàng Thị Đ2.

Ở thời điểm này do cụ S2 là vợ hợp pháp của cụ N2 nên chính quyền chế độ cũ không cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho cụ N2 và cụ N. Vì vậy, giấy khai sinh của các con chung của cụ N2 với cụ N đều được cụ N2 làm thủ tục khai sinh là con của cụ Hoàng Văn N2 với cụ Hà Thị S2 (S).

Trong quá trình giải quyết vụ án thì người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ N là ông Hoàng Đình K có đơn yêu cầu Phòng K6 Công an tỉnh L lấy các mẫu máu, mẫu tóc của cụ N với ông Hoàng Đình K để giám định ADN nhằm chứng minh ông K (anh ruột của ông Hoàng A M3) là con đẻ của cụ N, theo giấy khai sinh thể hiện ông K có mẹ đẻ là cụ Hà Thị S2.

Theo kết quả xét nghiệm ADN của Trung tâm Phân tích ADN và Công nghệ di truyền của Liên Hiệp các Hội khoa học và Kỹ Thuật Việt Nam tại Hà Nội ngày 07/7/2014 đã kết luận ông Hoàng Đình K là con ruột của cụ Hoàng Thị N. Vì vậy, có căn cứ để khẳng định ông Hoàng A M3 là con đẻ của cụ Hoàng Thị N. Đồng thời, khẳng định thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ có diện tích 3.946,7m<sup>2</sup> theo kết quả đo vẽ ngày 03/3/2022 của Công ty Đ3 là của cụ Hoàng Thị N. Do cụ N chết không để lại di chúc nên cần hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 550625 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Hoàng A M3 ngày 09/9/1994 đối với diện tích 4.184m<sup>2</sup> (thực tế là

3.946,7m<sup>2</sup>) thuộc thửa 110, tờ bản đồ số 13, xã K, huyện Đ để chia di sản thừa kế trên của cụ N để lại theo pháp luật là có căn cứ.

Cụ Hoàng Thị N (1930 – 2014), cha mẹ của cụ N đã chết từ lâu, cụ N có chồng là cụ Hoàng Văn N2 (chết năm 1994), con chung của cụ N và cụ N2 gồm: Hoàng Minh S, Hoàng Hiện L1, Hoàng A M3, Hoàng Đình K, Hoàng Thị Đ2. Ngoài ra, cụ N2 và cụ S2 có con chung gồm: Hoàng Văn C, Hoàng Văn P và Hoàng A S1. Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Hoàng Văn P, ông Hoàng A S1, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Văn C là anh Hoàng Văn L2, chị Hoàng Thị V, chị Hoàng Thị C1, chị Hoàng Thị X, anh Hoàng Văn L3, chị Hoàng Thị N1, chị Hoàng Thị X1 có đơn trình bày yêu cầu xác định diện tích đất tranh chấp 4.184m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ là tài sản do mẹ kế là cụ Hoàng Thị N tạo lập nên, không phải tài sản chung giữa cụ N2 với cụ N và cho rằng không có bất cứ quyền lợi gì đối với diện tích đất trên nên không tranh chấp. Ngoài ra, cụ N không có chồng và con nào khác. Năm 2014, cụ N chết không để lại di chúc nên hàng thừa kế thứ nhất của cụ N gồm: Ông Hoàng Minh S, ông Hoàng Hiện L1, ông Hoàng A M3, ông Hoàng Đình K, bà Hoàng Thị Đ2.

Tại bản án phúc thẩm số: 419<sup>a</sup>/2020/DSPT ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh hủy một phần nội dung bản án sơ thẩm với lý do bà Chí Nhật M trình bày cụ N2 còn có hai con là Hoàng A S5 và Hoàng A S6, Tòa án chưa đưa vào tham gia tố tụng. Tuy nhiên, sau khi thụ lý giải quyết lại Tòa án đã tiến hành xác minh, tại biên bản xác minh ngày 07/01/2022 thể hiện anh Hoàng A S5 còn có tên gọi khác là Hoàng Minh S, Hoàng A S6 có tên gọi khác là Hoàng Hiện L1.

Ông Hoàng A M3 có vợ là Mã Thị H, trong quá trình chung sống thì ông M3 với bà H có hai con chung gồm: Chị Hoàng Hạ Q và chị Hoàng Hạ K2. Ngoài ra, ông M3 không có con chung, con riêng, con nuôi nào khác. Ông Hoàng A M3 chết năm 2011 là chết trước cụ N nên cần xác định chị Hoàng Hạ Q, chị Hoàng Hạ K2 là người thừa kế thế vị của cụ Hoàng Thị N theo quy định tại Điều 652 Bộ luật Dân sự 2005 là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Hoàng Đình K chết năm 2017. Ông Hoàng Đình K có vợ là bà Chí Nhật M. Trong quá trình chung sống thì ông K với bà M có các con chung gồm: Anh Hoàng Gia L, anh Hoàng Gia Đ, anh Hoàng Gia K1. Ngoài ra, ông K không có vợ, con riêng, con chung, con nuôi nào khác.

Hàng thừa kế thế vị của cụ Hoàng Thị N là 02 người gồm: Chị Hoàng Hạ Q, chị Hoàng Hạ K2.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Đình K là 04 người gồm: bà Chí Nhật M, anh Hoàng Gia L, anh Hoàng Gia Đ, anh Hoàng Gia K1.



Theo kết quả đo vẽ ngày 03/3/2022 của Công ty Đ3 và Chứng thư Thẩm định giá ngày 30/6/2022 của Công ty Cổ phần Đ4 thì xác định di sản thừa kế của cụ Hoàng N có diện tích đất 3.946,7m<sup>2</sup>, trong đó có 400m<sup>2</sup> ONT và 3.700m<sup>2</sup> HNK thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ có trị giá theo giá thị trường là **12.274.999.000** đồng. Như vậy, kỹ phần thừa kế của mỗi người thừa kế được hưởng là (12.274.999.000đ- 414.520.000đ (nhà) - 8.114.000đ (cây ăn trái) trên vị trí giao cho bà H = 11.852365.000đ: 5 phần) = **2.370.473.000** đồng.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ N là diện tích đất 4.100m<sup>2</sup>(nay là 3.946,7m<sup>2</sup>), trong đó có 400m<sup>2</sup> ONT và 3.700m<sup>2</sup> HNK thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ theo kết quả đo vẽ ngày 03/3/2022 của Công ty Đ3, đối với nhà xây cấp 4 và nhà tạm do ông M, bà H xây dựng thì nguyên đơn không có tranh chấp và yêu cầu giao các căn nhà này cho bà H và các con của bà H là chị Q, chị K2 quản lý sử dụng. Đối với cây trồng trên đất do các đương sự cũng không có tranh chấp nên khi giao quyền sử dụng đất cho người thừa kế nào thì người thừa kế đó được hưởng cây trồng trên đất là có căn cứ.

Do ông Hoàng Hiện L1 hiện nay đang định cư tại Hoa Kỳ nên cần giao hiện vật là quyền sử dụng đất cho những người thừa kế ở Việt Nam quản lý, sử dụng là phù hợp.

Để đảm bảo giá trị sử dụng đất nguyên thừa và nhu cầu sử dụng thực tế của những người thừa kế đối với di sản thừa kế của cụ Hoàng Thị N để lại thì thấy rằng:

- Theo kết quả đo vẽ ngày 03/3/2022 của Công ty Đ3 thì vị trí số 1 thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ có diện tích là 363,5 m<sup>2</sup> có giá trị là 1.600.050.000 đồng, vị trí số 2 diện tích 736,5m<sup>2</sup> có giá trị là 3.885.950.000 đồng trên đất có căn nhà xây cấp 4 và nhà tạm do ông M, bà H xây dựng. Hiện nay bà H và chị Q, chị K2 vẫn đang quản lý sử dụng và nguyên đơn cũng đồng ý giao thửa đất có vị trí số 2 trên đất có căn nhà xây cấp 4, nhà tạm và cây trồng trên đất cho bà H, chị Q, chị K2 tiếp tục quản lý sử dụng nhưng do giá trị cao hơn nên cần buộc bà H, chị Q, chị K2 phải thanh toán lại giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế khác là có căn cứ; đối với vị trí số 3 có diện tích 709,3m<sup>2</sup> có giá trị là 1.986.040.000đ; vị trí số 4 diện tích là 711,7m<sup>2</sup> có giá trị là 1.850.420.000đ; vị trí số 5 diện tích là 715,7m<sup>2</sup> có giá trị là 1.180.905.000đ vị trí số 6 có diện tích là 710,0m<sup>2</sup> có giá trị là 1.349.000.000đ.

- Giao quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất tại vị trí số 1 và số 5 thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ có tổng diện tích là 363,5m<sup>2</sup> + 715,7m<sup>2</sup> có tổng trị giá theo giá thị trường là 2.780.955.000 đồng cho bà Chí N3 Mùi, anh Hoàng Gia L, anh Hoàng Gia Đ, anh Hoàng Gia K1 quản lý sử dụng là phù hợp và thanh toán lại giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế

khác là có căn cứ. Do anh K1 là người chưa thành niên nên giao cho bà Chí N3 M là người giám hộ quản lý cho anh K1.

- Giao quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất tại vị trí số 3 thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ có diện tích là 709.3m<sup>2</sup> có trị giá theo giá thị trường là 1.986.040.000 đồng cho ông Hoàng Hiện L1, tuy nhiên ông L1 hiện đang ở nước ngoài và không có yêu cầu chia thừa kế nên tạm giao phần của ông L1 cho bà M quản lý là phù hợp. Sau này ông L1 có tranh chấp thì giải quyết bằng một vụ án khác.

- Giao quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất tại vị trí số 4 thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13, xã K, huyện Đ có diện tích là 711,7m<sup>2</sup> có trị giá theo giá thị trường là 1.850.420.000 đồng cho bà Hoàng Thị Đ2 quản lý sử dụng là phù hợp.

- Giao quyền sử dụng đất thuộc vị trí số 6 diện tích 710 m<sup>2</sup> thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13, xã K, huyện Đ có trị giá theo giá thị trường là 1.349.000.000 đồng cho ông Hoàng Minh S quản lý sử dụng là phù hợp.

Về nghĩa vụ thanh toán:

Buộc bà H, chị Q, chị K2 có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông L1 384.433.000 đồng, thanh toán cho bà Đ2 số tiền 520.053.000 đồng, thanh toán cho ông S 611.031.000 đồng, nguyên đơn bà M có nghĩa vụ thanh toán cho ông S 410.482.800 đồng.

- Đối với việc nguyên đơn cụ Hoàng Thị N khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Hoàng A M3 cho 04 đồng thừa kế là cụ Hoàng Thị N, bà Mã Thị H, chị Hoàng Hạ Q, chị Hoàng Hạ K2 gồm những tài sản: 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích 200,48m<sup>2</sup> và nhà tạm B có diện tích 28,8m<sup>2</sup> trên thửa số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ và diện tích 3.000m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ; diện tích 15.734m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 34, 35 tờ bản đồ số 31 tại xã K, huyện Đ thì thấy rằng: Sau khi cụ Hoàng Thị N chết thì những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn không yêu cầu tiếp tục chia di sản thừa kế của ông M3 nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ.

- Đối với việc bị đơn yêu cầu chia tài sản chung giữa bị đơn với ông M3 và chia di sản thừa kế của ông M3 chết để lại là diện tích 3.000m<sup>2</sup> thuộc thửa 59, tờ bản đồ số 13; diện tích 15.734m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 34, 35 tờ bản đồ số 31 tại xã K, huyện Đ thì thấy rằng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không yêu cầu chia tài sản chung cũng như yêu cầu chia di sản thừa kế của ông M3 nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ đối với yêu cầu này là có căn cứ.

- Đối với việc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập buộc những người thừa kế của ông Hoàng A M3 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hoàng Xương V2 số tiền 9.000.000 đồng, thanh toán cho ông Phan Văn M1

số tiền 14.000.000 đồng, thanh toán cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền 21.000.000 đồng, thanh toán cho vợ chồng ông Phùng Văn M2, bà Mã Thị L4 09 cây vàng 24K vì trong quá trình chữa bệnh ông M3, bà H đã vay mượn số tiền, vàng của những người trên. Trong quá trình giải quyết vụ án thì bà Nguyễn Thị H1, ông Hoàng Xương V2, vợ chồng ông Phùng Văn M2, bà Mã Thị L4, ông Phan Văn M1 có đơn rút yêu cầu độc lập nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trên là đúng quy định.

Đối với việc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Dương Thanh T1 có đơn yêu cầu độc lập buộc những người thừa kế của ông Hoàng A M3 có nghĩa vụ thanh toán cho ông 05 lượng vàng 24K. Trong quá trình giải quyết vụ án thì ngày 14/12/2012 ông Dương Thanh T1 chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T1 gồm: Bà Ngô Thị H2, anh Dương Quốc D, anh Dương Quốc T2, anh Dương Quốc K3, chị Dương Thị Lệ T3 đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do và có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai nhưng vẫn không xác định được địa chỉ cụ thể của chị Dương Thị Lệ T3, chỉ biết chị T3 hiện nay đang định cư tại Hoa Kỳ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tách yêu cầu của ông Dương Thành T5 để giải quyết bằng vụ án khác khi những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T5 có yêu cầu là có căn cứ.

- Đối với việc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Lệ T4 cho rằng trước đây ông M3, bà H có nợ bà số tiền 5.000.000 đồng nhưng nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Tòa án cấp sơ thẩm không đề cập xem xét là có căn cứ.

- Đối với việc ông M3 có thể chấp cho Ngân hàng N4 – Chi nhánh huyện Đ tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng thì thấy rằng: Ngày 12/3/2014 bà H đã trả hết khoản nợ trên cho Ngân hàng N4 – Chi nhánh huyện Đ theo Công văn số: 850/NHNNĐD-KHKD ngày 17/11/2022 của Chi Nhánh vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Các phân quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Tại phiên Tòa phúc thẩm bà Chí Nhật M là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí sơ thẩm nên được hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Chí Nhật M.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Mã Thị H là người cao tuổi nên được miễn; chị Hoàng Hạ Q, chị Hoàng Hạ K2 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Mã Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Hạ Q, chị Hoàng Hạ K2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 45/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn cụ Hoàng Thị N là ông Hoàng Đình K (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Đình K gồm: Bà Chí Nhật M, anh Hoàng Gia L, anh Hoàng Gia Đ, anh Hoàng Gia K5) về việc “*Tranh chấp di sản thừa kế*” đối với bị đơn bà Mã Thị H; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Hạ Q, chị Hoàng Hạ K2, bà Hoàng Thị Đ2, ông Hoàng Minh S, ông Hoàng Hiện L1 (Sáng), ông Hoàng A S1, ông Hoàng Văn C (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hoàng Văn C gồm: Anh Hoàng Văn L2, chị Hoàng Thị V, chị Hoàng Thị C1, chị Hoàng Thị X, anh Hoàng Văn L3, chị Hoàng Thị N1, chị Hoàng Thị X1), ông Hoàng Văn P, bà Tô Thị B, bà Nguyễn Thị H1, ông Hoàng Xương V2, ông Phan Văn M1, vợ chồng ông Phùng Văn M2, bà Mã Thị L4, ông Dương Thanh T1 (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Dương Thanh T1 gồm: Bà Ngô Thị H2, anh Dương Quốc D, anh Dương Quốc T2, anh Dương Quốc K3, chị Dương Thị Lệ T3), bà Bùi Thị Lệ T4, Ngân hàng N4 – Chi nhánh huyện Đ, Ủy ban nhân dân huyện Đ.

- Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung, chia di sản thừa kế là diện tích đất 3000m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 13 và diện tích đất 15.734m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 34, 35 tờ bản đồ số 31 đều tại xã K, huyện Đ của cụ Hoàng Thị N và bà Mã Thị H.

- Đình chỉ yêu cầu “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” của ông Hoàng Xương V2, ông Phan Văn M1, bà Nguyễn Thị H1, vợ chồng ông Phùng Văn M2 và bà Mã Thị L4 đối với những người thừa kế của ông Hoàng A M3.

- Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 550625 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Hoàng A M3 ngày 09/9/1994 đối với diện tích đất 4.184m<sup>2</sup> (theo giấy chứng nhận QSDĐ) thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ.

Xác định di sản thừa kế của cụ Hoàng Thị N là diện tích 3.946,7m<sup>2</sup> (đo đạc thực tế), trong đó có đất ONT và đất HNK (theo giấy chứng nhận QSDĐ) thuộc thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ theo kết quả đo vẽ ngày 03/3/2022 của Công Ty TNHH A.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của cụ Hoàng Thị N là 05 người gồm: Ông Hoàng Minh S, ông Hoàng Hiện L1, ông Hoàng A M3, ông Hoàng Đình K, bà Hoàng Thị Đ2.

Xác định hàng thừa kế thế vị của cụ Hoàng Thị N là 02 người gồm: Chị Hoàng Hạ Q, chị Hoàng Hạ K2.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoàng Đình K là 04 người gồm: bà Chí Nhật M, anh Hoàng Gia L, anh Hoàng Gia Đ, anh Hoàng Gia K1.

- Phân chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Hoàng Thị N, cụ thể như sau:

+ Giao quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất tại vị trí số **1** và số **5** thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ có tổng diện tích là (363,5m<sup>2</sup> + 715,7m<sup>2</sup>) = 1.079.2m<sup>2</sup> (trong đó có 100m<sup>2</sup> đất ONT) có tổng trị giá là 2.780.955.000 đồng cho bà Chí N3 Mùi, anh Hoàng Gia L, anh Hoàng Gia Đ, anh Hoàng Gia K1 quản lý sử dụng.

+ Giao thửa đất có vị trí số **2** có diện tích là 736.5m<sup>2</sup> (trong đó có 300m<sup>2</sup> đất ONT) trên đất có căn nhà xây cấp 4, nhà tạm và cây trồng trên đất có giá trị là 3.885.950.000đ cho bà Mã Thị H, chị Hoàng Hạ Q, chị Hoàng Hạ K2 tiếp tục quản lý sử dụng.

+ Giao quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất tại vị trí số **3** thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13 tại xã K, huyện Đ có diện tích là 709.3m<sup>2</sup> có giá trị là 1.986.040.000 đồng cho ông H3 Hiện Lộc sử dụng, tuy nhiên ông L1 hiện đang ở nước ngoài và không có yêu cầu chia thừa kế nên tạm giao phần của ông L1 cho bà M quản lý là phù hợp. Sau này ông L1 có tranh chấp thì giải quyết bằng một vụ án khác.

+ Giao quyền sử dụng đất và cây trồng trên đất tại vị trí số **4** thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13, xã K, huyện Đ có diện tích là 711,7m<sup>2</sup> có giá trị là 1.850.420.000 đồng cho bà Hoàng Thị Đ2 quản lý sử dụng.

+ Giao quyền sử dụng đất thuộc vị trí số **6** có diện tích là 710 m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất số 110, tờ bản đồ số 13, xã K, huyện Đ có giá trị là 1.349.000.000 đồng cho ông Hoàng Minh S quản lý sử dụng.

*(Tất cả có họa đồ đo vẽ hiện trạng lô đất ngày 03/3/2022 của Công ty TNHH A kèm theo).*

Quy định cho các đương sự được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ thanh toán:

Buộc bà Mã Thị H, chị Hoàng Q, chị Hoàng Hạ K2 có nghĩa vụ thanh toán lại cho các ông bà: bà Hoàng Thị Đ2 520.053.000đ, ông Hoàng Minh S 611.031.000đ, ông Hoàng Hiện L1 384.433.000 đồng.

Buộc bà Chí Nhật M, anh Hoàng Gia L, anh Hoàng Gia Đ, anh Hoàng Gia K1 có nghĩa vụ thanh toán lại cho ông Hoàng Minh S số tiền 410.482.000 đồng.

2. Về chi phí tố tụng:

Buộc bà Mã Thị H, chị Hoàng Hạ Q, chị Hoàng Hạ K2 thanh toán cho bà Chí Nhật M, anh Hoàng Gia L, anh Hoàng Gia Đ, anh Hoàng Gia K1 số tiền 8.756.000 đồng.

Buộc bà Hoàng Thị Đ2 thanh toán cho bà Chí Nhật M, anh Hoàng Gia L, anh Hoàng Gia Đ, anh Hoàng Gia K1 số tiền 8.756.000 đồng.

Buộc ông Hoàng Hiện L1 (Sáng) thanh toán cho bà Chí Nhật M, anh Hoàng Gia L, anh Hoàng Gia Đ, anh Hoàng Gia K1 số tiền 8.756.000 đồng.

Buộc ông Hoàng Minh S thanh toán cho bà Chí Nhật M, anh Hoàng Gia L, anh Hoàng Gia Đ, anh Hoàng Gia K1 số tiền 8.756.000 đồng.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.*

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hoàng Minh S, ông Hoàng Hiện L1, bà Chí Nhật M.

Buộc anh Hoàng Gia L, anh Hoàng Gia Đ phải chịu 39.216.420 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng và 5.608.000 đồng theo biên lai thu số 00946 ngày 13/10/2011 và biên lai thu số 09214 ngày 08/8/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương do cụ Hoàng Thị N nộp. Buộc anh Hoàng Gia L, anh Hoàng Gia Đ còn phải nộp thêm số tiền 33.408.520 đồng.

Buộc bà Mã Thị H, chị Hoàng Hạ Q, chị Hoàng Hạ K2 phải chịu 39.216.420 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 05566 ngày 24/10/2011 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Bà Mã Thị H, chị

Hoàng Hạ Q, chị Hoàng Hạ K2 còn phải nộp thêm số tiền 39.016.420 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Buộc bà Hoàng Thị Đ2 phải chịu 39.216.420 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 12.040.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001308 ngày 18/4/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Bà Hoàng Thị Đ2 còn phải nộp thêm số tiền 27.176.420 đồng.

Hoàn trả cho ông Hoàng Minh S số tiền 12.040.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001306 ngày 18/4/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền 525.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 05782 ngày 20/6/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

Hoàn trả cho ông Hoàng Xương V2 số tiền 225.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 05784 ngày 20/6/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

Hoàn trả cho ông Phùng Văn M2, bà Mã Thị L4 số tiền 9.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 05789 ngày 25/6/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

Hoàn trả cho ông Phan Văn M1 số tiền 350.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 09211 ngày 08/8/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

Hoàn trả cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Dương Thanh T1 gồm: Bà Ngô Thị H2, anh Dương Quốc D, anh Dương Quốc T2, anh Dương Quốc K3, chị Dương Thị Lệ T3 số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông Dương Thanh T1 đã nộp theo biên lai thu số 09210 ngày 08/8/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Mã Thị H được miễn.

Chị Hoàng Hạ Q và chị Hoàng Hạ K2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mỗi người đã nộp theo các biên lai số 0008893 ngày 23/4/2024 và số 0008784 ngày 04/01/2024 của Cục Thi hành án tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 – Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 – Luật thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 – Luật thi hành án.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- NĐ (4);
- BD (1);
- NLQ (17);
- Lưu VP(6). HS(2) (Án – PPC)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Hồ Thị Thanh Thúy**